

Bản án số: 854/2024/DS-ST  
Ngày: 28/10/2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hải**

Các Hội thẩm nhân dân:

1) Bà **Nguyễn Thị Nguyên**

2) Ông **Vũ Huy Hoàng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 28 tháng 10 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 610/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 909/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Công ty T (Việt Nam); Địa chỉ trụ sở chính: Số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty L; Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền lập ngày 01/01/2024).

Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 2000; Địa chỉ liên hệ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền lập ngày 01/02/2024) có đơn xin vắng mặt.

**Bi đơn:** Ông **Nguyễn Hoài N**, sinh năm: 1991; Địa chỉ: Số E ấp E, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có người đại diện là bà Nguyễn Thị Lan A trình bày:

Ngày 12/12/2022 Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 4088823 về việc cấp tín dụng cho ông Nguyễn Hoài N với khoản vay trị giá 32.310.000 đồng, lãi suất 48%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng cho ông Nguyễn Hoài N, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Hoài N. Theo hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Hoài N có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền là 1.709.268 đồng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2025 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay, ông Nguyễn Hoài N chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 04 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 6.885.000 đồng. Ngày 17/04/2023 đến nay ông Nguyễn Hoài N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu ông Nguyễn Hoài N thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho ông Nguyễn Hoài N biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hoài N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho phía Công ty.

Tính đến ngày 28/10/2024, ông Nguyễn Hoài N còn nợ Công ty T các khoản tiền gồm: nợ gốc là 30.656.911 đồng, lãi trong hạn là 18.454.958 đồng, lãi quá hạn là 5.833.458 đồng, lãi chậm trả là 1.484.431 đồng, tổng cộng 56.429.758 đồng.

Số tiền lãi được tính theo công thức sau:

- Số tiền lãi trong hạn = tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ.

- Số tiền lãi quá hạn từng kỳ = 150% x lãi suất x số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x số ngày quá hạn: 365 ngày.

Số tiền lãi quá hạn = Tổng số tiền lãi quá hạn từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi).

- Số tiền lãi chậm trả từng kỳ = 10% x số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x số ngày quá hạn: 365 ngày.

Số tiền lãi chậm trả = Tổng số tiền lãi chậm trả từng kỳ (tính đến thời điểm tính lãi).

Cách tính lãi trên căn cứ tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng và khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Mặc dù Công ty đã thông báo nhắc nợ nhưng ông Nguyễn Hoài N vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng cho Công ty. Do đó, Công ty T yêu cầu Tòa án:

- Buộc ông Nguyễn Hoài N phải thanh toán cho Công ty tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/10/2024 là 56.429.758 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 30.656.911 đồng, lãi trong hạn là 18.454.958 đồng, lãi quá hạn là 5.833.458 đồng, lãi chậm trả là 1.484.431 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Hoài N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi, phí phát sinh từ ngày 29/10/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

*Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoài N trình bày:*

Ngày 12/12/2022, ông có ký hợp đồng tín dụng số 4088823 với Công ty T (Việt Nam) về việc cấp tín dụng với khoản vay 32.310.000 đồng, lãi suất 48%/năm. Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân được công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Hoài N. Theo hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Hoài N có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả góp hàng tháng với số tiền là 1.709.268 đồng trong kỳ hạn 36 tháng, kể từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2025 cho Công ty. Tính đến thời điểm hiện tại, ông N đã thanh toán cho công ty được 04 kỳ với tổng số tiền là 6.885.000 đồng. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông N đã ngừng thanh toán cho công ty từ ngày 17/4/2023 đến nay.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hoài N đồng ý trả cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tạm tính đến ngày 28/10/2024 là: 56.429.758 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng) và thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 29/10/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên nhưng do hiện tại hoàn cảnh của ông N quá khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng trả từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hoài N thanh toán số tiền vốn vay và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn ông Nguyễn Hoài N cư trú tại số E ấp E, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có thẩm quyền giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) là bà Nguyễn Thị Lan A vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Xét Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng được ký kết ngày 12/12/2022 giữa Công ty T (Việt Nam) và ông Nguyễn Hoài N trên cơ sở tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

[4.2] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ký ngày 12/12/2022 giữa ông Nguyễn Hoài N và Công ty T (Việt Nam), Công ty T (Việt Nam) đã cho ông Nguyễn Hoài N vay số tiền 32.310.000 đồng, trong đó: số tiền vay là 30.000.000 đồng và phí bảo hiểm là 2.310.000 đồng; thời hạn vay là 36 tháng; lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 1 đến kỳ thanh toán thứ 30 là 4%/tháng (tương đương 48%/năm), lãi suất từ kỳ thanh toán thứ 31 đến kỳ thanh toán thứ 36 là 0%/tháng. Theo thỏa thuận thì ông Nguyễn Hoài N có trách nhiệm thanh toán bằng hình thức trả góp hàng tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.721.268 đồng và tháng cuối cùng trả 2.140.545 đồng, bắt đầu trả từ ngày 15/01/2023 đến ngày 15/12/2025.

Thực hiện hợp đồng, Công ty T (Việt Nam) đã giải ngân số tiền vay nêu trên bằng hình thức chuyển tiền vào số tài khoản của ông Nguyễn Hoài N tại Ngân hàng N1 – Chi nhánh H1, ông N đã nhận đủ tiền và đã thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) được 4 kỳ với tổng số tiền 6.885.000 đồng. Kể từ ngày 17/4/2023 đến nay, ông N không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho Công ty dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở, đôn đốc ông N thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T (Việt Nam) đã chấm dứt cho vay và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và ông N phải chịu lãi trên nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả theo quy định hợp đồng tín dụng mà ông N đã ký với Công ty.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hoài N thừa nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Lan A là đúng sự thật. Ông N thừa nhận tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/10/2024) thì ông còn nợ Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền là 56.429.758 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 30.656.911 đồng, lãi trong hạn là 18.454.958 đồng, lãi quá hạn là 5.833.458 đồng, lãi chậm trả là 1.484.431 đồng. Do lời trình bày của nguyên đơn đã được bị đơn thừa nhận, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không phải chứng minh.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.



Tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Xét thấy bị đơn ông Nguyễn Hoài N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Công ty T (Việt Nam) đã thông báo nhắc nợ và nhiều lần đôn đốc phía bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán đầy đủ cho Công ty là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Do đó, Công ty T (Việt Nam) yêu cầu ông Nguyễn Hoài N có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc 30.656.911 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3.] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Hoài N trả tiền lãi tạm tính đến ngày 28/10/2024 là 25.772.847 đồng (gồm lãi trong hạn là 18.454.958 đồng, lãi quá hạn là 5.833.458 đồng, lãi chậm trả là 1.484.431 đồng) và buộc ông Nguyễn Hoài N phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty T (Việt Nam). Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: “*Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật*”.

Từ những viện dẫn và phân tích nêu trên, Công ty T (Việt Nam) yêu cầu ông Nguyễn Hoài N trả tiền lãi tạm tính đến ngày 28/10/2024 là 25.772.847 đồng (gồm lãi trong hạn là 18.454.958 đồng, lãi quá hạn là 5.833.458 đồng, lãi chậm trả là 1.484.431 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) đối với ông Nguyễn Hoài N về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Nguyễn Hoài N có trách nhiệm trả cho Công ty T (Việt Nam) số tiền 56.429.758 đồng (Năm mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 30.656.911 đồng, lãi trong hạn là 18.454.958 đồng, lãi quá hạn là 5.833.458 đồng, lãi chậm trả là 1.484.431 đồng.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Hoài N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Hoài N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.821.488 đồng (Hai triệu tám trăm hai mươi một nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng).

- H lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí là 1.065.276 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi sáu đồng) theo biên lai thu số 0004308 ngày 05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Đã giải thích cho đương sự (người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự) biết về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự).

- Nơi nhận:

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND TP . HCM
- VKSND TP . HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Văn Hải**